

Số: /GPMT-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng năm 2022

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hà Nam: số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16/08/2016 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam; Số 16/2021/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 15/CV-MTHN ngày 19/7/2022 của Công ty CPMT Hà Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy xử lý rác thải tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam – giai đoạn I – phân kỳ đầu tư 1”;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Môi trường Hà Nam, địa chỉ tại Thung Cỏ Chày, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy xử lý rác thải tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam - Giai đoạn I - Phân kỳ đầu tư 1” với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy xử lý rác thải tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam - Giai đoạn I - Phân kỳ đầu tư 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thung Cỏ Chày, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 0700778846 đăng ký lần đầu ngày 25/10/2016; đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 22/11/2019; cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

1.4. Mã số thuế: 0700778846

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp thông thường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích của dự án khoảng 148.664 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt công suất 96 tấn/ngày đêm; xử lý chất thải công nghiệp thông thường công suất 33,6 tấn/ngày đêm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty CPMT Hà Nam**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty CPMT Hà Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày / /2022 đến ngày / /2032).

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND huyện Thanh Liêm;
- Công ty CPMT Hà Nam (để thực hiện);
- TT CNTT TN&MT (đăng web);
- Lưu: VT, MT, HS.

**Nguyễn Văn Hào**

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà ăn;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực văn phòng, nhà điều hành;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà điều hành trạm cân.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Tại thung Cổ Chày, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

**2.2. Vị trí xả nước thải**

- Tại thung Cổ Chày, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2266490,2; Y = 590152,3 (theo hệ tọa độ VN 2000).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10m<sup>3</sup>/ngày đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả gián đoạn (12-14 giờ xả một lần)

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, k=1,2)

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

<b>TT</b>	<b>Chất ô nhiễm</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Giá trị giới hạn cho phép</b>
1	pH	-	<b>5 - 9</b>
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	<b>600</b>
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	<b>60</b>
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> )	mg/L	<b>36</b>
5	Sunfua	mg/L	<b>1,2</b>
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	mg/L	<b>6</b>
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	mg/L	<b>36</b>
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	<b>12</b>
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	<b>6</b>
10	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/L	<b>7,2</b>
11	Coliform	MPN/100mL	<b>3.000</b>

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nguồn số 01, 02, 03 được thu gom và dẫn theo đường ống về bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy để xử lý.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải:

- Nước thải => Song chắn rác => Bể gom, điều hòa => Bể thiếu khí => Bể hiếu khí => Bể khử trùng => tank chứa (tái sử dụng để tưới cây).

- Công suất thiết kế: 10m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Colramin B (hoặc hóa chất khác tương đương khác đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này).

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Không phải vận hành thử nghiệm do Dự án đã hoàn thành vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam xác nhận tại Văn bản số 854/STN&MT-MT ngày 16/5/2022 về việc thông báo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; bảo đảm không xả nước thải ra chưa xử lý đạt chuẩn ngoài môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng  
năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

Nguồn số 01: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò đốt rác thải sinh hoạt (lò đốt số 01).

Nguồn số 02: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò đốt rác thải sinh hoạt (lò đốt số 02).

Nguồn số 03: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò đốt rác thải công nghiệp thông thường (lò đốt số 03)

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

**2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000):**

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý khí thải lò đốt rác thải sinh hoạt số 01, tọa độ vị trí xả thải: X = 2266562,9; Y = 590187,1.

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý khí thải lò đốt rác thải sinh hoạt số 02, tọa độ vị trí xả thải: X = 2266554,7; Y = 590186,4.

- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý khí thải lò đốt rác thải công nghiệp thông thường số 03, tọa độ vị trí xả thải: X = 2266567,4; Y = 590196.

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.530 m<sup>3</sup>/giờ.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.530 m<sup>3</sup>/giờ.

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 55.264 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải:**

Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục 24/24 giờ.

**2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí:**

- Dòng khí thải số 01, 02: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 61-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt (Kv=1,2) trước khi xả thải ra môi trường, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	300	03 tháng/lần
2	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	600	
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	300	
4	Axit Clohydric, HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	60	
5	Bụi tổng (PM)	mg/Nm <sup>3</sup>	120	
6	Thủy ngân và các hợp chất tính theo thủy ngân (Hg)	mg/Nm <sup>3</sup>	0,24	06 tháng/lần
7	Cadmi và các hợp chất tính theo Cadmi (Cd)	mg/Nm <sup>3</sup>	0,192	
8	Chì và các hợp chất tính theo chì (Pb)	mg/Nm <sup>3</sup>	1,44	
9	Tổng Dioxin/Furan	ngTEQ/Nm <sup>3</sup>	0,72	12 tháng/lần

- Dòng khí thải số 03: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp (Cột B, Kv=1,2) trước khi xả thải ra môi trường, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	300	03 tháng/lần
2	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	600	
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	300	
4	Bụi tổng (PM)	mg/Nm <sup>3</sup>	120	
5	Axit clohydric (HCl)	mg/Nm <sup>3</sup>	60	
6	Tổng hydrocacbon (HC)	mg/Nm <sup>3</sup>	60	
7	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg	mg/Nm <sup>3</sup>	0,24	06 tháng/lần
8	Tổng các kim loại nặng khác (As, Sb, Ni, Co, Cu, Cr, Sn, Mn, Tl, Zn) và	mg/Nm <sup>3</sup>	1,44	

	hợp chất tương ứng			
9	Chì (Pb)	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>1,44</b>	
10	Cadimi (Cd)	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>0,192</b>	
11	Tổng Dioxin/Furan	ngTEQ/Nm <sup>3</sup>	<b>0,72</b>	<b>12 tháng/lần</b>

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 01 để xử lý;
- Nguồn số 02 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 02 để xử lý;
- Nguồn số 03 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 03 để xử lý;

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:
  - + Khí thải (nguồn số 01) => Hệ thống đập bụi kiểu ướt => Tháp hấp thụ => Than hoạt tính => Ống khói.
  - + Khí thải (nguồn số 02) => Hệ thống đập bụi kiểu ướt => Tháp hấp thụ => Than hoạt tính => Ống khói.
  - + Khí thải (nguồn số 03) => Hệ thống đập bụi kiểu ướt => Tháp hấp thụ => Than hoạt tính => Ống khói.
- Công suất thiết kế:
  - + Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải số 01: 12.530 m<sup>3</sup>/giờ.
  - + Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải số 02: 12.530 m<sup>3</sup>/giờ.
  - + Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải số 03: 55.264 m<sup>3</sup>/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch hấp thụ NaOH, than hoạt tính (hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này).

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không phải vận hành thử nghiệm do Dự án đã hoàn thành vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam xác nhận tại Văn bản số 854/STN&MT-MT ngày 16/5/2022 về việc thông báo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.



### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng  
năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 1: Hệ thống xử lý khí thải lò đốt rác thải sinh hoạt (lò đốt số 01)
- Nguồn số 2: Hệ thống xử lý khí thải lò đốt rác thải sinh hoạt (lò đốt số 02)
- Nguồn số 3: Hệ thống xử lý khí thải lò đốt rác thải công nghiệp thông thường (lò đốt số 03)

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000)**

- Nguồn số 1: X = 2266562,9; Y = 590187,1
- Nguồn số 2: X = 2266554,7; Y = 590186,4
- Nguồn số 3: X = 2266567,4; Y = 590196,0

**3. Tiếng ồn, độ rung** phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn**

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung**

TT	Thời gian trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Khối lượng, chủng loại các loại CTNH phát sinh thường xuyên khoảng:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	02
2	Dầu thải động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	120
3	Vỏ bao bì nhựa dính CTNH	18 01 03	20
4	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	36
5	Hộp mực in thải	08 02 04	03
6	Ắc quy chì thải	19 06 01	12
7	Vỏ bao bì kim loại dính CTNH	18 01 02	50
	Tổng khối lượng		<b>243</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Tro xỉ sau khi đốt	2.190.000

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 37,5 kg/ngày tương đương 13.700 kg/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: tại các thùng, phuy, can.

- Kho lưu chứa

+ Diện tích kho: 40 m<sup>2</sup>

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho được xây dựng có tường bao, mái che, nên được đổ bê tông.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Tro xỉ của lò đốt được chôn lấp tại ô chôn lấp số 01 có diện tích 300 m<sup>2</sup>.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Rác thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực văn phòng, nhà ăn được thu gom về các thùng nhựa có nắp đậy. Hàng ngày được tập kết về nhà chứa rác để xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng  
năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả xử lý chất thải. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

6. Thực hiện xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

7. Tiếp tục triển khai các phân kỳ đầu tư để hoàn thiện giai đoạn I của dự án. Triển khai lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động theo quy định./.

